

Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH CỦA GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM

v/v thành lập Ban chỉ huy công trình

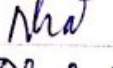
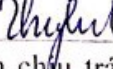
- Căn cứ quyết định số: 206/QĐ-TCCB ngày 25 tháng 9 năm 1995 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc thành lập: Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa - Bản đồ, trực thuộc trường Đại học Mỏ - Địa chất.

- Căn cứ theo hợp đồng tư vấn xây dựng số: 172/HĐKT-TV1 ký ngày 28/10/2018 giữa Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện I với Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa - Bản đồ về việc thi công gói thầu quan trắc chuyển dịch ngang các mốc quan trắc ổn định Hạ lưu đập chu kỳ 7 thuộc dự án: Nhà máy thủy điện Lai Châu.

- Căn cứ vào yêu cầu của công việc

QUYẾT ĐỊNH

ĐIỀU 1: Giao nhiệm vụ cho các Ông (Bà) có tên sau đây theo dõi chỉ đạo, giám sát, thi công, nghiệm thu, ký các văn bản kỹ thuật tại hiện trường công trình thi công gói thầu số: 01/HĐKT/BHXX/QLBN-2016 ký ngày 23/12/2016.

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại	Chữ ký
1	Trần Khánh	Chủ nhiệm công trình	0912323688	
2	Lê Đức Tình	Chỉ huy trưởng công trường	0988959681	
3	Nguyễn Hà	Quan trắc hiện trường	0936202242	
4	Trần Thùy Linh	Viết báo cáo và xử lý số liệu	0989973769	

ĐIỀU 2: Các Ông có tên trong danh sách trên và các phòng Ban có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi gửi:

- Như điều 2
- Lưu Trung tâm

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG
CÔNG NGHỆ MỚI TRẮC ĐỊA - BẢN ĐỒ



GIÁM ĐỐC
TS. Trần Khánh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2018

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ TƯ VẤN

Số : *172*/HĐTV-TV1

Gói thầu: Quan trắc chuyển dịch ngang các mốc quan trắc ổn định hạ lưu đập - chu kỳ 7
Nhà máy thủy điện Lai Châu

Căn cứ :

- Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khoá XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14/06/2005;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khoá XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 18/6/2014;
- Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;
- Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
- Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;
- Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;
- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý Công trình đầu tư xây dựng công trình;
- Hợp đồng số: 149/HĐ-TĐSL-PECC1 ngày 4/7/2018 giữa Công ty thủy điện Sơn La – CN Tập đoàn điện lực Việt Nam và Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 (PECC1) Gói thầu: Quan trắc biến dạng các hạng mục công trình chu kỳ 6, chu kỳ 7 – Nhà máy thủy điện Lai Châu.

- *Hợp đồng tư vấn này được lập vào ngày 27 tháng 10 năm 2018 giữa:*

1. Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 (sau đây gọi là Bên A):

- Địa chỉ : Km 9+200 - đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.
- Điện thoại : 043.8544270, 043.8541206 Fax : 043.8541208;
- Tài khoản: 12110000698886
- Tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng.
- Mã số thuế : 0100100953
- Đại diện là : Ông **Phạm Nguyên Hùng**
- Chức vụ : Tổng Giám đốc

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp: số 0100100953, đăng ký lần đầu ngày 02/01/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 17/8/2017.

2. Trung tâm Nghiên cứu Ứng dụng công nghệ mới Trắc địa bản đồ (Sau đây gọi là Bên B):

Địa chỉ: Tầng 1 nhà A, Đại học Mỏ - Địa chất, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

Điện thoại: 04. 37523.819;

Fax: 04. 37523.819

Tài khoản: 3100211000206

Tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh Từ Liêm.

Mã số thuế: 0100811629

Đại diện là ông: **TS. Trần Khánh**

Chức vụ: Giám đốc

**HAI BÊN THỎA THUẬN KÝ HỢP ĐỒNG TƯ VẤN
VỚI NHỮNG NỘI DUNG SAU**

Điều 1: Nội dung và khối lượng công việc:

Bên A đồng ý giao và Bên B đồng ý nhận thực hiện các công tác như sau:

Đo đạc, tính toán bình sai lưới Quan trắc chuyển dịch ngang các điểm quan trắc ổn định hạ lưu đập chu kỳ 7 - Nhà máy thủy điện Lai Châu. Khối lượng: 19 điểm tam giác thủy công hạng III, địa hình cấp (II+III)/2.

Điều 2. Chất lượng và các yêu cầu kỹ thuật:

+ Chất lượng công việc do Bên B thực hiện phải đáp ứng được các yêu cầu kỹ thuật, phải tuân thủ theo các quy định của Luật Xây dựng, Nghị định về quản lý chất lượng xây dựng công trình, tiêu chuẩn, quy phạm hiện hành, đảm bảo tính chính xác, hợp lý và hiệu quả kinh tế cho bên A.

+ Đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật theo Hợp đồng số: 149/HĐ-TĐSL-PECC1 ngày 4/7/2018.

Điều 3: Thời gian, tiến độ thực hiện, tài liệu giao nộp

3.1 Thời gian thực hiện dự kiến:

Thời bắt đầu : 27 tháng 10 năm 2018

Thời gian kết thúc : 20 tháng 11 năm 2018

3.2 Số lượng Hồ sơ giao nộp:

+ 06 bộ báo cáo kỹ thuật;

+ 01 đĩa CD.

Địa điểm giao nộp tài liệu: Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 Km 9+200, phường Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội.

Điều 4: Giá trị Hợp đồng

4.1 Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định.

4.2 Giá trị hợp đồng: **500.626.896 đồng.**

(Năm trăm triệu, sáu trăm hai sáu ngàn, tám trăm chín sáu đồng)

Giá trị trên đã bao gồm thuế GTGT như bảng giá chi tiết kèm theo Hợp đồng.

Giá trị nghiệm thu thanh Quyết toán dựa trên cơ sở khối lượng thực tế của bên B hoàn thành và theo Bảng giá chi tiết kèm theo Hợp đồng.

Điều 5: Nghiệm thu, thanh toán hợp đồng

5.1 Tạm ứng hợp đồng:

Sau khi hợp đồng có hiệu lực bên A tạm ứng cho bên B 20% giá trị hợp đồng trong vòng 15 ngày kể từ ngày bên B gửi cho bên A giấy đề nghị tạm ứng và bên A tạm ứng được chi phí từ Chủ đầu tư.

5.2 Thanh toán hợp đồng:

Bên A thanh toán cho bên B 100% giá trị khối lượng thực hiện được nghiệm thu sau khi đã thu hồi khoản tạm ứng trong vòng 10 ngày kể từ ngày bên A nhận đủ hồ sơ bao gồm :

- Đề nghị thanh toán của bên B;
- Biên bản giao nhận tài liệu;
- Biên bản nghiệm thu Quyết toán khối lượng hoàn thành;
- Hóa đơn giá trị gia tăng;

5.3 Hình thức thanh toán: Chuyển khoản 100%.

5.4 Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.

Điều 6: Giải quyết tranh chấp

6.1 Hoà giải: Các Bên sẽ nỗ lực tối đa để giải quyết các tranh chấp hoặc bất đồng phát sinh liên quan đến hợp đồng bằng cách thương lượng trực tiếp hoặc báo cáo cấp trên có thẩm quyền giải quyết.

6.2 Toà án: Nếu sau mười (10) ngày kể từ khi bắt đầu thương lượng mà các Bên không đạt được thoả thuận về giải quyết các tranh chấp theo hợp đồng, thì một trong hai Bên có thể yêu cầu giải quyết các tranh chấp đó qua Toà án nhân dân TP. Hà Nội, quyết định của Tòa án được coi là phán quyết cuối cùng và có hiệu lực bắt buộc thi hành với cả hai Bên.

Điều 7: Bất khả kháng

7.1 Sự kiện bất khả kháng:

Là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các Bên như: động đất, bão, lũ, lụt, lốc, sóng thần, lở đất, hoả hoạn, chiến tranh hoặc có nguy cơ chiến tranh và các thảm họa khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc rạn

cấm của cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước CHXHCN Việt Nam.

Việc một Bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để Bên kia chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải:

- (a) Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.
- (b) Thông báo ngay cho Bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 7 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

7.2 Trong trường hợp xảy ra trường hợp bất khả kháng:

Thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà Bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của mình nhưng không quá thời hạn 20 ngày.

Điều 8: Tạm dừng, huỷ bỏ hợp đồng

8.1 Tạm dừng thực hiện hợp đồng:

Các trường hợp được phép tạm dừng hợp đồng:

- (a) Các trường hợp bất khả kháng
- (b) Do lỗi của bên A hoặc bên B gây ra: Một Bên có quyền quyết định tạm dừng hợp đồng do lỗi của Bên kia gây ra, nhưng phải thông báo cho Bên kia biết bằng văn bản và cùng nhau bàn bạc giải quyết trên tinh thần hợp tác và tôn trọng quyền lợi của mỗi bên. Trường hợp Bên tạm dừng không thông báo mà tạm dừng gây thiệt hại cho Bên kia thì phải bồi thường toàn bộ thiệt hại.

8.2 Thay đổi hợp đồng:

(a) Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có sự thay đổi, bổ sung phát sinh hoặc điều chỉnh về nội dung và tiến độ thực hiện công việc ghi trong hợp đồng thì các Bên cùng bàn bạc giải quyết.

(b) Trong trường hợp có thay đổi hợp đồng các Bên cùng thảo luận, thống nhất sửa đổi bổ sung các điều khoản bị ảnh hưởng của hợp đồng này.

8.3 Huỷ bỏ hợp đồng:

(a) Một Bên có quyền huỷ bỏ hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại khi Bên kia vi phạm các cam kết hợp đồng hoặc các quy định của Pháp luật. Bên vi phạm hợp đồng phải bồi thường thiệt hại (nếu có) do việc vi phạm hợp đồng gây ra.

(b) Một trong hai Bên có quyền huỷ bỏ hợp đồng khi xảy ra sự kiện bất khả kháng mà trong vòng 20 ngày sau đó vẫn không thể tiếp tục thực hiện hợp đồng.

(c) Bên huỷ bỏ hợp đồng phải thông báo ngay cho Bên kia biết về việc huỷ bỏ. Nếu không thông báo mà gây thiệt hại cho Bên kia, thì Bên huỷ bỏ hợp đồng phải bồi thường.

(d) Khi hợp đồng bị huỷ bỏ, thì hợp đồng không có hiệu lực từ thời điểm bị huỷ

bỏ và các Bên phải hoàn trả cho nhau tài sản hoặc tiền (Kể cả khoản tiền mà Khách hàng tạm ứng cho Tư vấn để thực hiện hợp đồng).

Điều 9: Thương, phạt Hợp đồng

9.1 Phạt hợp đồng:

9.1.1 Đối với bên B:

Nếu bên B không đảm bảo chất lượng công việc và chậm tiến độ nêu trong hợp đồng thì bị Khách hàng phạt với mức phạt quy định như sau:

- Vi phạm chất lượng phạt 8% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm về chất lượng.
- Vi phạm thời hạn thực hiện hợp đồng, bị phạt 0,5% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm thời hạn cho 10 ngày lịch đầu tiên, phạt thêm 1,0% cho mỗi 10 ngày lịch tiếp theo, tổng giá trị phạt không quá 12% giá trị phần hợp đồng kinh tế bị vi phạm ở thời điểm 10 ngày lịch đầu tiên.

- Trường hợp bên B vi phạm hợp đồng và bị phạt theo điểm 9.1 (a), 9.1(b) trên đây, bên A sẽ khấu trừ tiền phạt hợp đồng vào giá trị còn lại của hợp đồng chưa thanh toán hoặc yêu cầu bên B thanh toán cho bên A phần giá trị của chi phí phạt hợp đồng bằng hình thức chuyển khoản.

9.1.2 Đối với bên A:

Bên A phải thanh toán cho bên B đầy đủ và kịp thời, nếu sau 30 ngày kể từ ngày bên A nhận đủ hồ sơ thanh toán mà bên A không hoàn thành việc thanh toán, thì bên A bị bên B phạt với mức phạt bằng lãi suất tín dụng quá hạn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tính từ ngày hết hạn thanh toán. Mức phạt tối đa là 8% phần giá trị thanh toán bị vi phạm.

Nghĩa vụ trả tiền của bên A được coi là hoàn thành kể từ ngày chuyển đủ số tiền trên tài khoản tại Ngân hàng cho bên B.

9.2 Thương hợp đồng:

Khi bên B hoàn thành công việc đảm bảo chất lượng và rút ngắn tiến độ nêu trong Hợp đồng thì được bên A thưởng theo mức thưởng quy định tại hợp đồng chính với Chủ đầu tư. Mức thưởng không vượt quá 12% giá trị phần hợp đồng làm lợi.

Điều 10: Nghĩa vụ của bên B

10.1 Chủ động tổ chức thực hiện công việc đảm bảo chất lượng, tiến độ như đã nêu tại hợp đồng. Trước khi tiến hành công tác quan trắc phải lập kế hoạch thống nhất cùng bên A để cùng phối hợp, giám sát quá trình thực hiện của bên B.

10.2 Chịu trách nhiệm pháp lý về khối lượng, chất lượng, kết quả thực hiện dịch vụ; về độ chính xác, trung thực, khách quan của tài liệu giao nộp cho bên A và khắc phục ngay những sai sót (nếu có) trong quá trình thực hiện hợp đồng bằng kinh phí của bên B.

- 10.3 Tạo điều kiện thuận lợi để bên A kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện hợp đồng.
- 10.4 Tất cả các tài liệu do bên B soạn thảo theo hợp đồng này sẽ là tài sản của bên A. Bên B có trách nhiệm giao toàn bộ các tài liệu này cho bên A đủ số lượng, đúng thời hạn theo quy định tại hợp đồng.
- 10.5 Bảo vệ, giải trình các tài liệu, hồ sơ do bên B lập trong phạm vi hợp đồng trước các cơ quan, hội đồng nghiệm thu các cấp có thẩm quyền theo yêu cầu của bên A.

Điều 11: Nghĩa vụ của Bên A.

- 11.1 Phối hợp chặt chẽ với bên B trong quá trình thực hiện Hợp đồng.
- 11.2 Cung cấp cho bên B những văn bản, tài liệu cần thiết có liên quan đến công việc để thực hiện hợp đồng.
- 11.3 Kiểm tra, giám sát và đôn đốc bên B thực hiện các điều khoản được quy định trong hợp đồng.
- 11.4 Bàn giao mặt bằng thi công đảm bảo an toàn về người và phương tiện của bên B trong quá trình thực hiện công việc của Hợp đồng.
- 11.5 Nghiệm thu và thanh toán kịp thời các khoản chi phí cho bên B theo quy định trong hợp đồng này.

Điều 12: Luật áp dụng, ngôn ngữ của hợp đồng.

Hợp đồng này được ràng buộc, hiểu và diễn giải theo Luật của Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Ngôn ngữ trong hợp đồng là tiếng Việt.

Điều 13: Thuế, phí.

Tất cả các loại thuế, phí đánh vào bên B và các nhân sự của bên B theo các quy định hiện hành của Luật áp dụng đã bao gồm trong giá trị thanh toán của hợp đồng, Tư vấn tự thanh toán các loại thuế, phí này.

Điều 14: Thành phần hợp đồng

Hồ sơ của Hợp đồng bao gồm Hợp đồng tư vấn, bổ sung hợp đồng (nếu có) và các tài liệu kèm theo xếp theo thứ tự ưu tiên:

1. Hợp đồng Tư vấn và các Bổ sung Hợp đồng kèm theo (nếu có);
2. Phụ lục hợp đồng;

Điều 15: Điều khoản chung.

- 15.1 Các Bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã ghi trong hợp đồng này.
- 15.2 Hợp đồng cũng như các tài liệu, thông tin liên quan đến hợp đồng sẽ được các Bên bảo quản theo quy định hiện hành của Nhà nước về bảo mật. Bên B không được phép chuyển giao các tài liệu của hợp đồng này cho một bên thứ ba. (trừ khi cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật yêu cầu).
- 15.3 Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan tới hợp đồng này phải

được thực hiện bằng văn bản, theo địa chỉ nêu trong hợp đồng.

15.4 Hiệu lực của hợp đồng: Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký, hết hiệu lực sau khi hai bên hoàn thành các nghĩa vụ của mình và thống nhất thanh lý hợp đồng.

Hợp đồng này được lập thành 10 bản có pháp lý như nhau, bên A giữ 06 bản, bên B giữ 04 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A



ĐẠI DIỆN BÊN B



BẢNG GIÁ CHI TIẾT KÈM THEO HỢP ĐỒNG

(Kèm theo Hợp đồng số 12/HĐTV-TV1 ngày 20/7/2018)

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá trước thuế	Thành tiền
I	Đơn giá chi tiết				
1	Lưới quan trắc chuyển dịch ngang Tam giác thủy công hạng III, địa hình cấp (II+III)/2 (Các mốc quan trắc ổn định hạ lưu đập)	Điểm	19	23.953.440	455.115.360
	Cộng				455.115.360
II	Thuế GTGT (10%)				45.511.536
III	Giá trị sau thuế				500.626.896

Số: /BBNTQT-TV1

BIÊN BẢN QUYẾT TOÁN VÀ THANH LÝ HỢP ĐỒNG

(Hợp đồng số: 172/HĐTV-TV1 ngày 27/10/2018)

Căn cứ Hợp đồng số: 172/HĐTV-TV1 ngày 27/10/2018 giữa Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 và Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới trắc địa bản đồ về việc: Quan trắc chuyển dịch ngang các mốc quan trắc ổn định hạ lưu đập chu kỳ 7 - Nhà máy thủy điện Lai Châu.

Căn cứ Biên bản nghiệm thu Quyết toán khối lượng công việc hoàn thành số :01/QTKLHT/TV1/QTBD-TĐLC-CK7 ngày 21/11/2018 về việc : Quan trắc chuyển dịch ngang các mốc quan trắc ổn định hạ lưu đập chu kỳ 7 - Nhà máy thủy điện Lai Châu.

Hôm nay, ngày 20 tháng 12 năm 2018. Hai bên gồm:

I. Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 (Bên A)

Địa chỉ: Km 9+200, phường Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: 04.38544270 Fax: 04.38541208

Tài khoản: 12110000698886

Tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng.

Mã số thuế: 0100100953

Đại diện là ông: **Phạm Nguyên Hùng**

Chức vụ: Tổng Giám đốc

II. Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới trắc địa bản đồ (Bên B)

Địa chỉ: Tầng 1 nhà A, Đại học Mỏ - Địa chất, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

Điện thoại: 04. 37523.819; Fax: 04. 37523.819

Tài khoản: 3100211000206

Tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh Từ Liêm.

Mã số thuế: 0100811629

Đại diện là ông: **TS. Trần Khánh**

Chức vụ: Giám đốc

Hai bên thỏa thuận thống nhất những nội dung sau:



1. Khối lượng và nội dung công việc thực hiện:

Bên B đã thực hiện đầy đủ các công việc của Hợp đồng số: 172/HĐTV-TV1 ngày 27/10/2018 theo Biên bản nghiệm thu Quyết toán khối lượng công việc hoàn thành số :01/QTKLHT/TV1/QTBD-TĐLC-CK7 ngày 21/11/2018 về việc : Quan trắc chuyển dịch ngang các mốc quan trắc ổn định hạ lưu đập chu kỳ 7 - Nhà máy thủy điện Lai Châu.

2. Giá trị thực hiện

2.1 Giá trị Hợp đồng đã ký : 500.626.896 đồng.

2.2 Giá trị nghiệm thu quyết toán : 500.626.896 đồng.

Trong đó:

Giá trị tạm ứng:	0 đồng;
Giá trị thực hiện trước thuế:	455.115.360 đồng;
Thuế GTGT 10%:	45.511.536 đồng;
Giá trị sau thuế:	500.626.896 đồng.

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

2.3 Số tiền Bên A phải chuyển trả cho Bên B: 500.626.896 đồng.

(Năm trăm triệu, sáu trăm hai sáu ngàn, tám trăm chín sáu đồng)

Bên B có trách nhiệm xuất hóa đơn GTGT theo giá trị nghiệm thu quyết toán tại mục 2.2 nêu trên.

3. Thanh lý Hợp đồng:

Hai bên thống nhất Hợp đồng số: 172/HĐTV-TV1 ngày 27/10/2018 sẽ được thanh lý ngay sau khi Bên A hoàn thành trách nhiệm thanh toán cho Bên B theo đúng cam kết nêu tại mục 2.3 của biên bản này.

Biên bản quyết toán và thanh lý được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 04 bản, Bên B giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A
TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Nguyên Hùng

ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC



Trần Khánh

00953
G T Y
PHÂN
CÁY DỰ
N I
N - T P